

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Ngày	20,950 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.9%	10.9%	-0.3%

DT thuần	Q4/24
1,792	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 80.0 4.7%	
YoY: ▲ 591 49.2%	

LN thuần	Q4/24
76.1	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 26.8 54.5%	
YoY: ▼181 -70.4%	

LN sau thuế	Q4/24
64.0	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.7 44.5%	
YoY: ▼176 -73.3%	

Tỷ suất lãi EBIT	2024
2.1%	
YoY: +/- ▼ 6.5%	

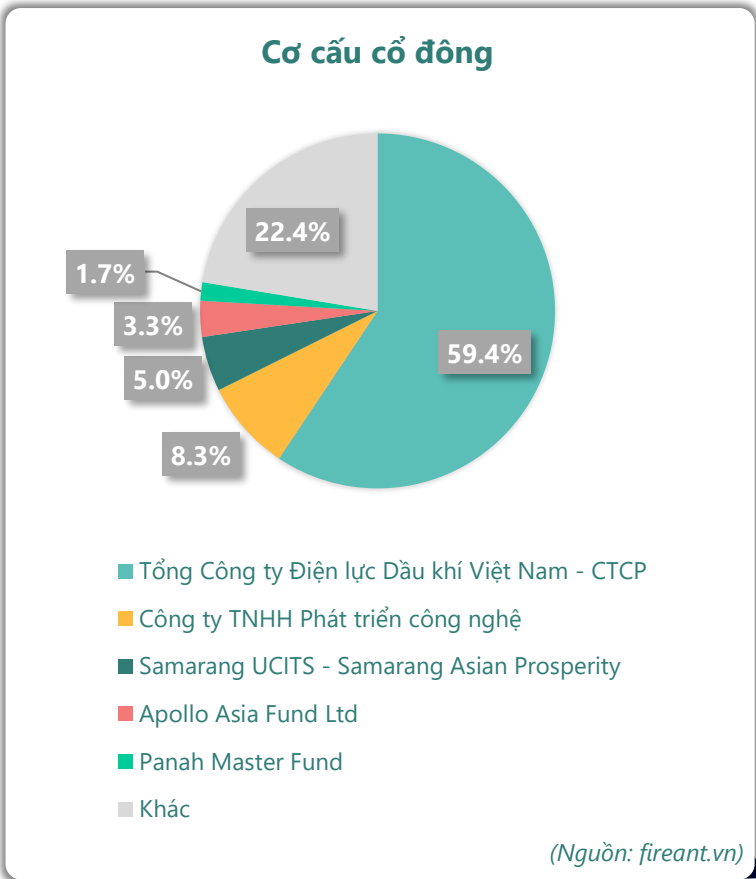
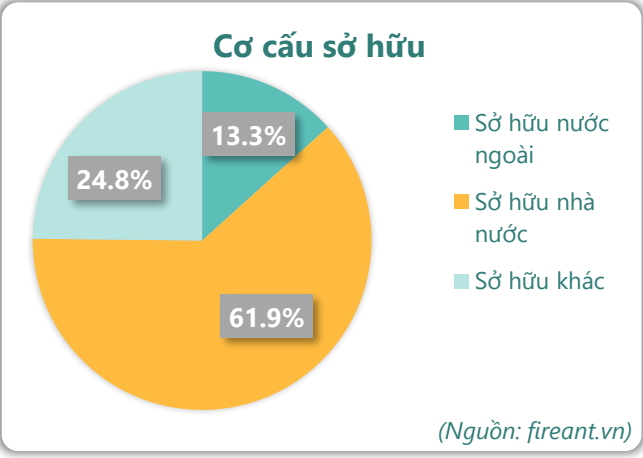
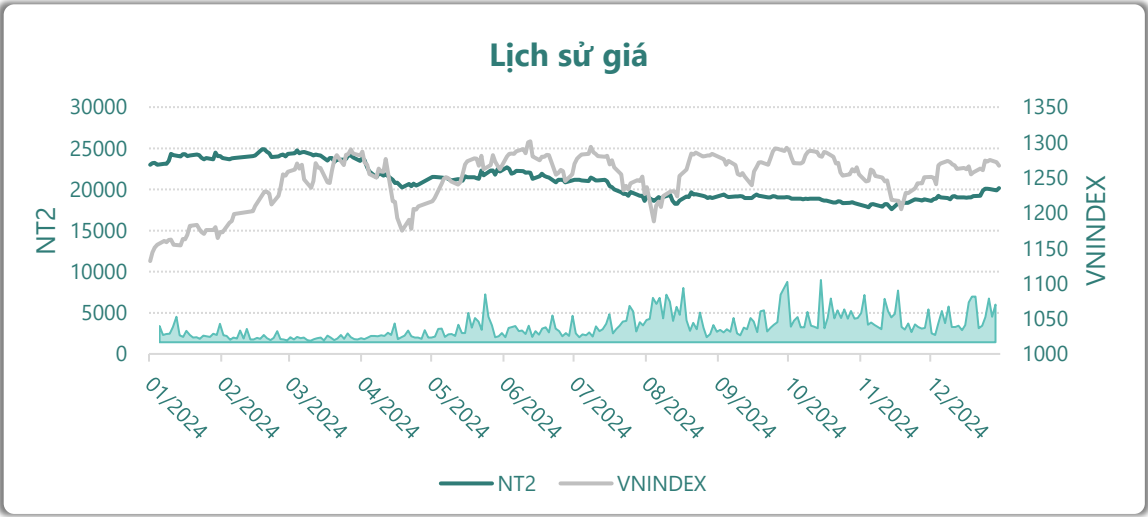
ROE	2024
1.7%	
YoY: +/- ▼ 8.9%	

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,594 - 24,883
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,031
Số lượng CPLH (CP)	287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	389,520
Sở hữu nước ngoài	13.3%
Beta	0.84
EPS	251
P/E	83.4

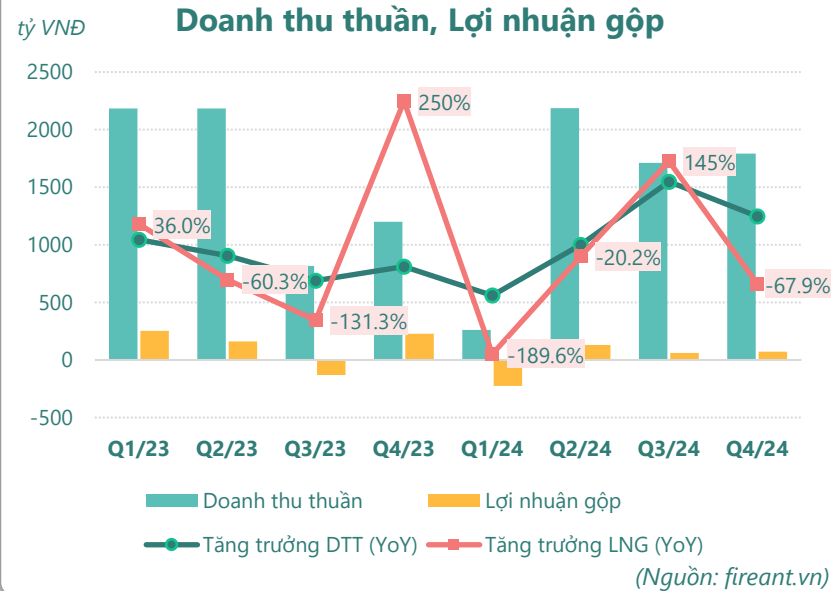
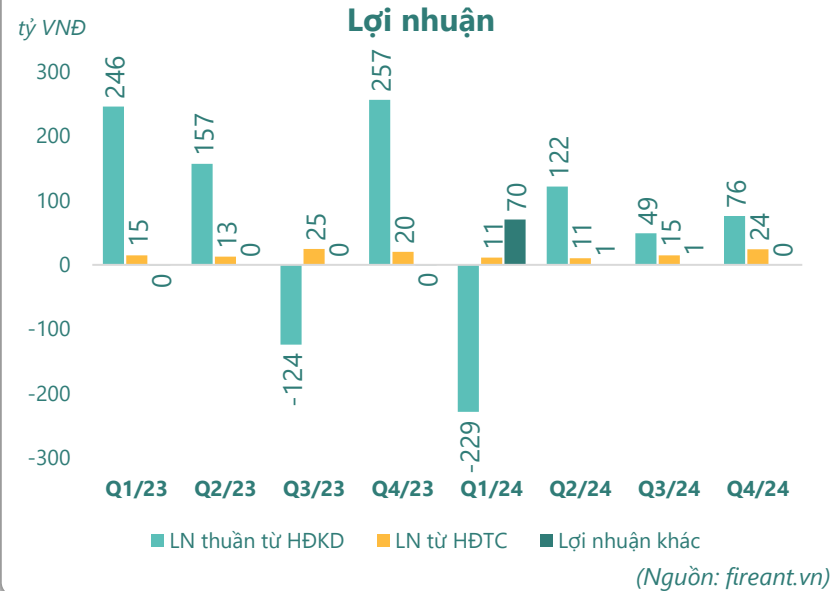
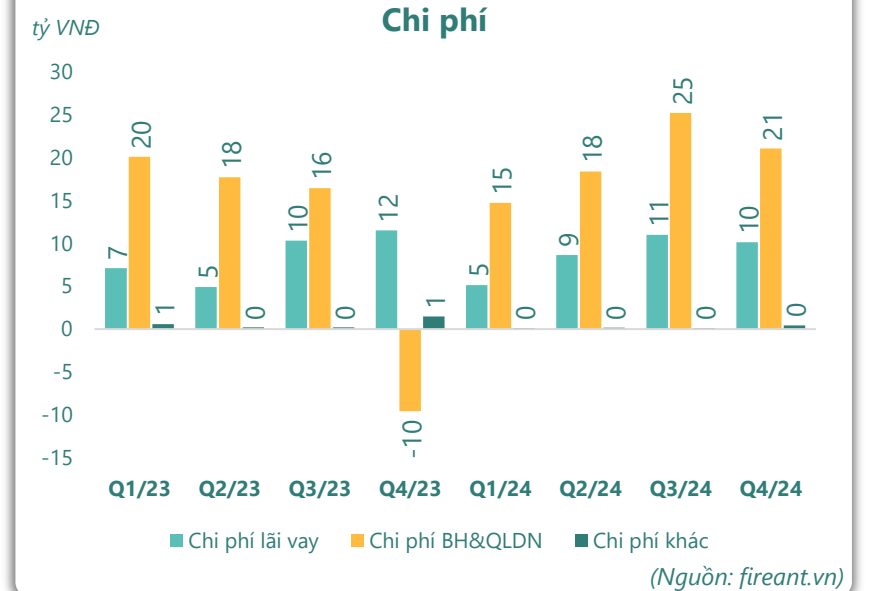
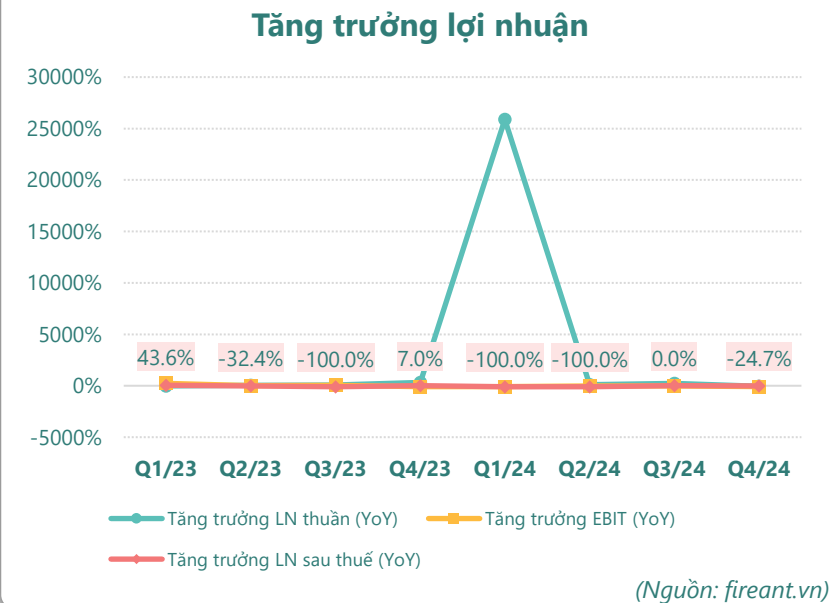
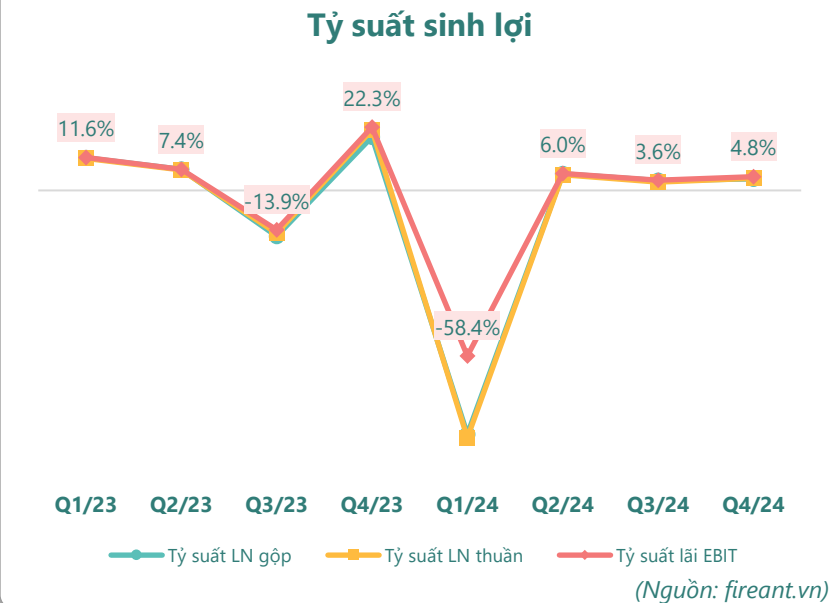
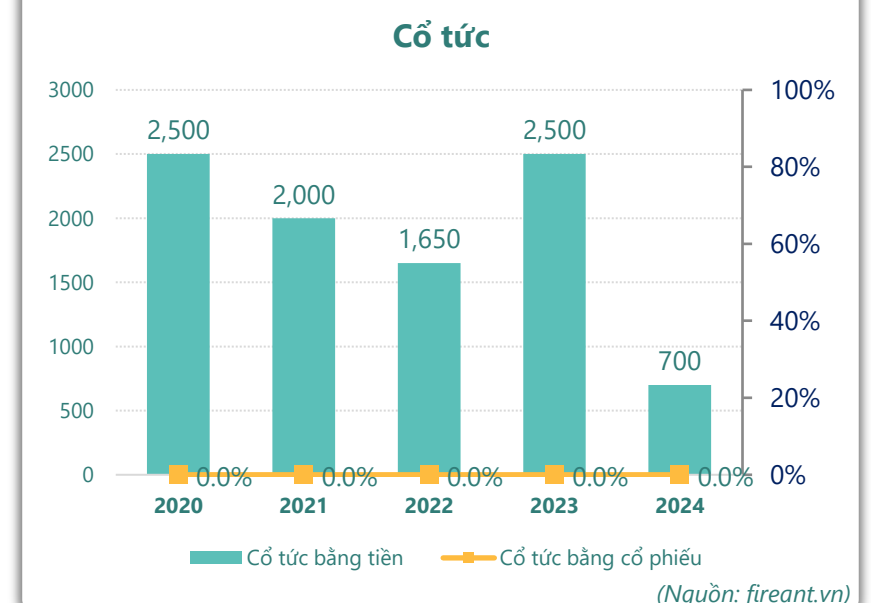
DT thuần	2024
5,952	tỷ VNĐ
YoY: ▼434 -6.8%	

LN thuần	2024
18.4	tỷ VNĐ
YoY: ▼496 -96.4%	

LN sau thuế	2024
72.3	tỷ VNĐ
YoY: ▼401 -84.7%	



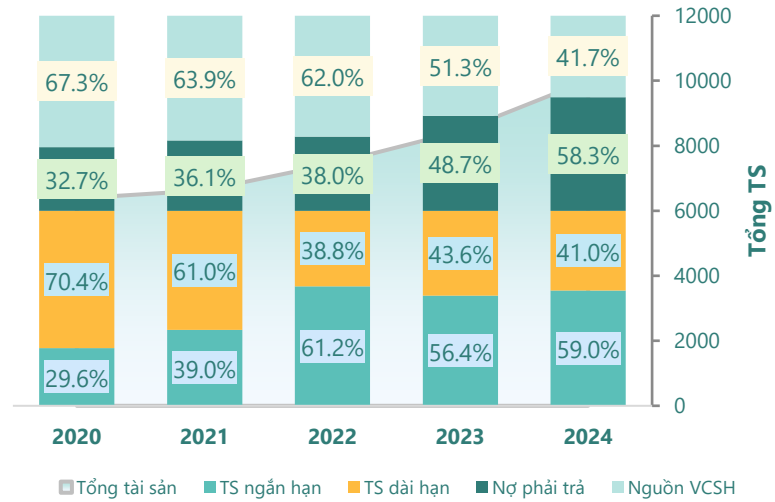
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

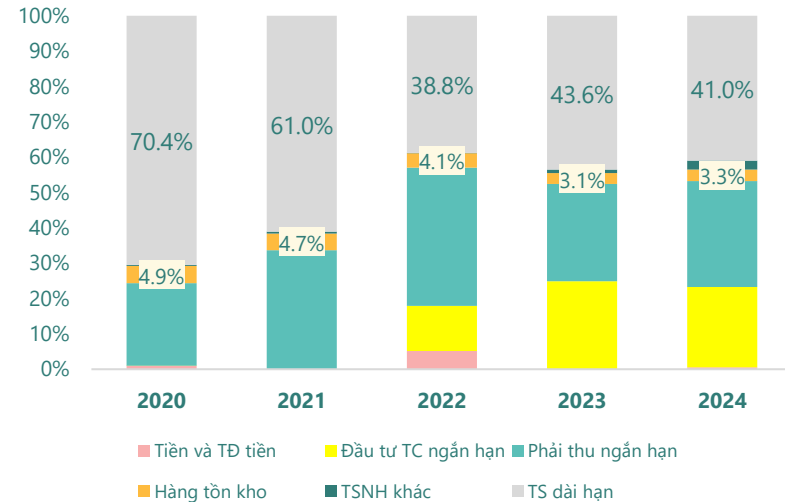
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

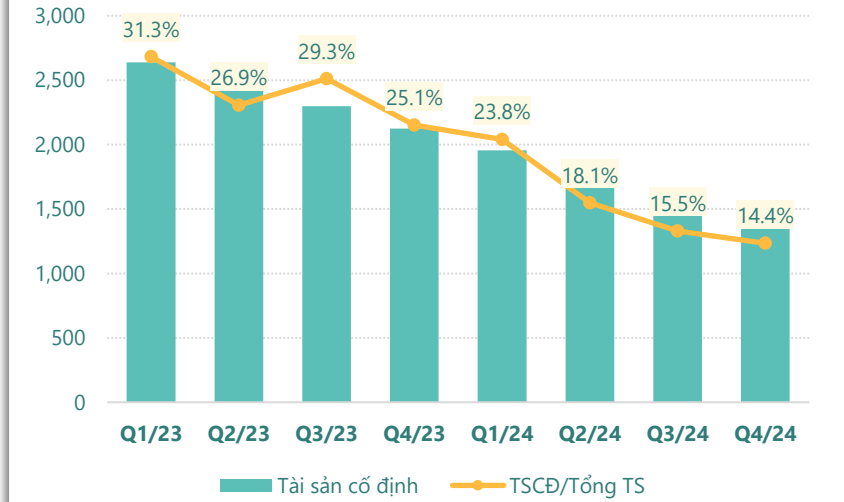
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

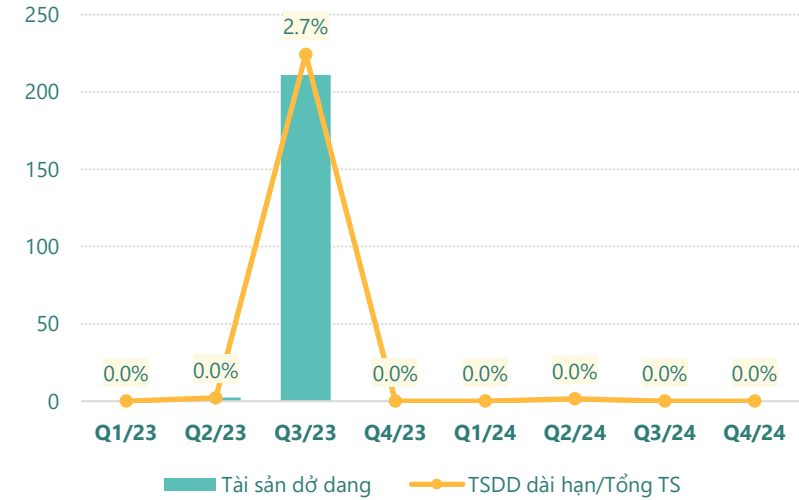
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

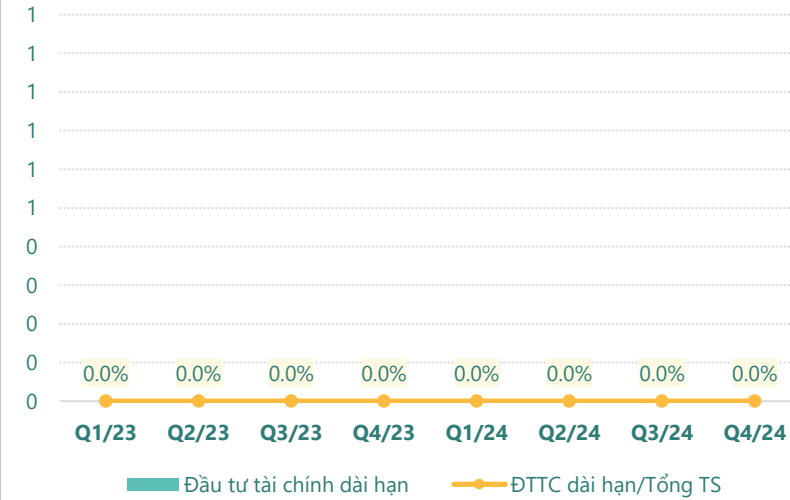
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

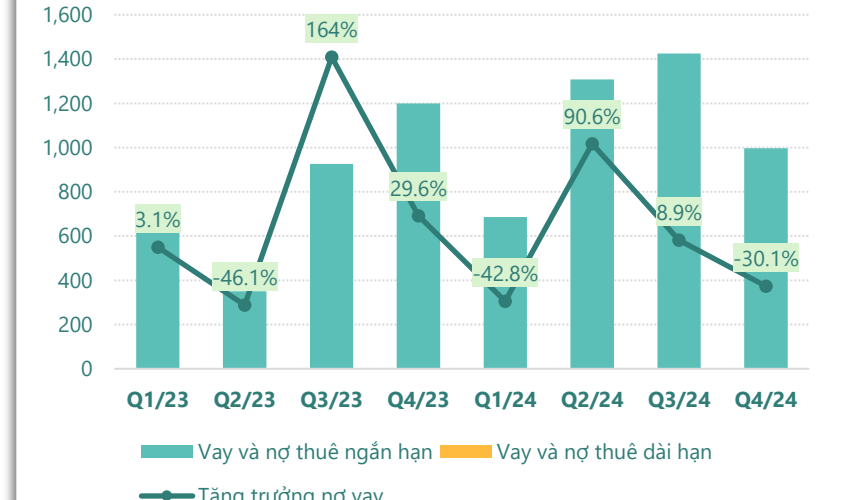
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

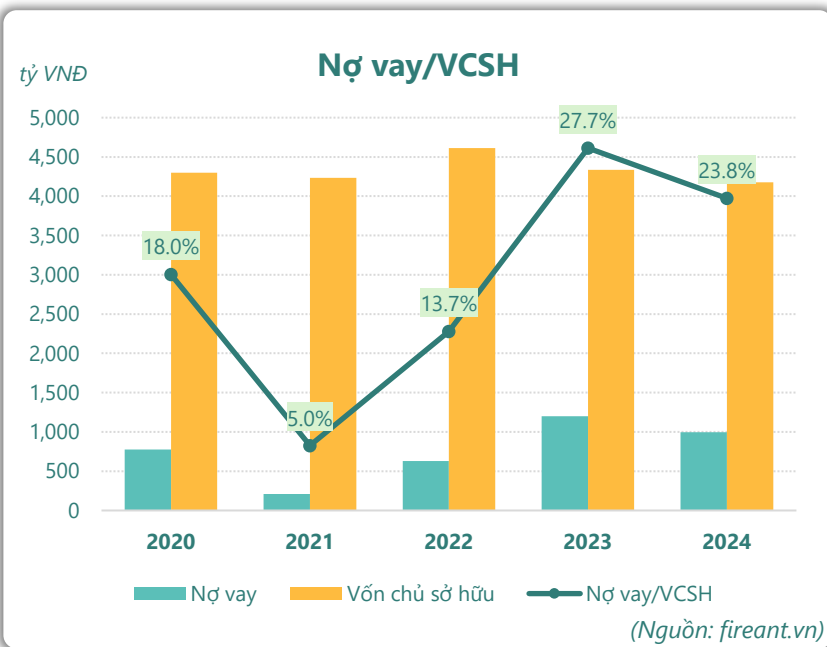
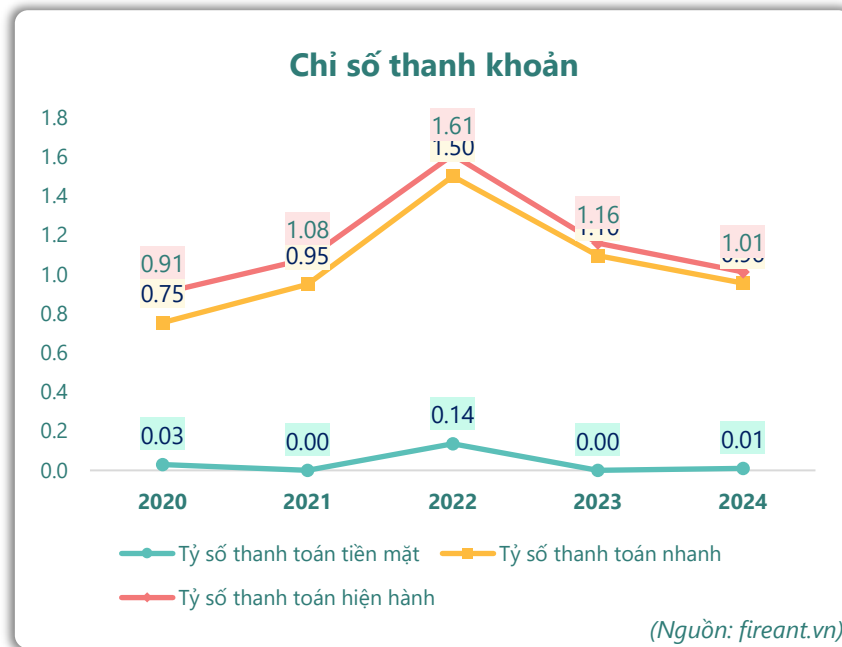
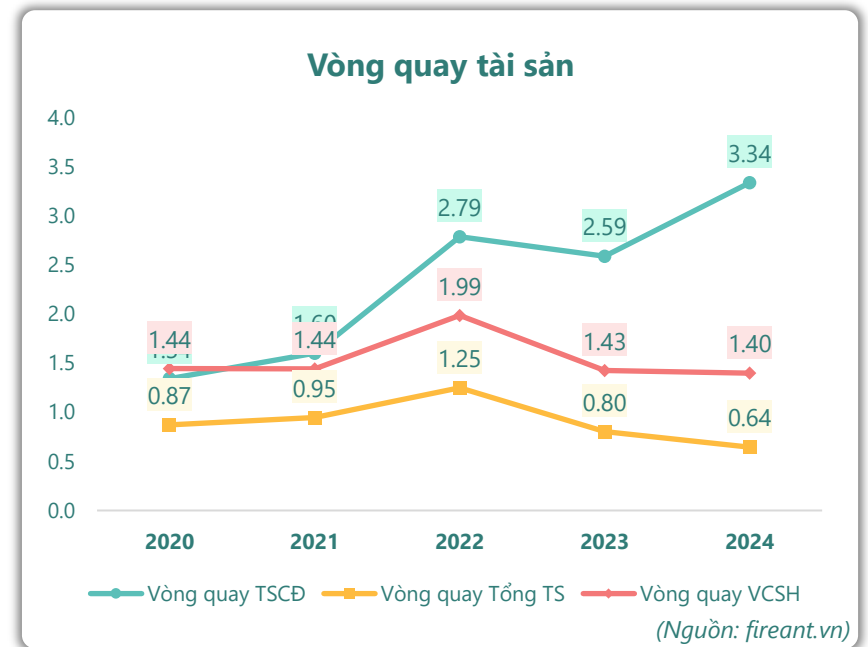
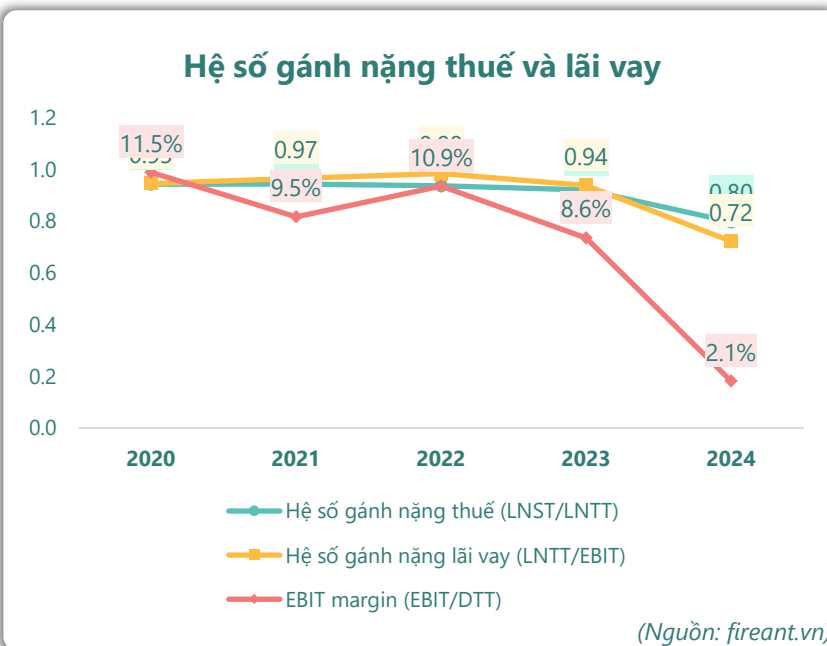
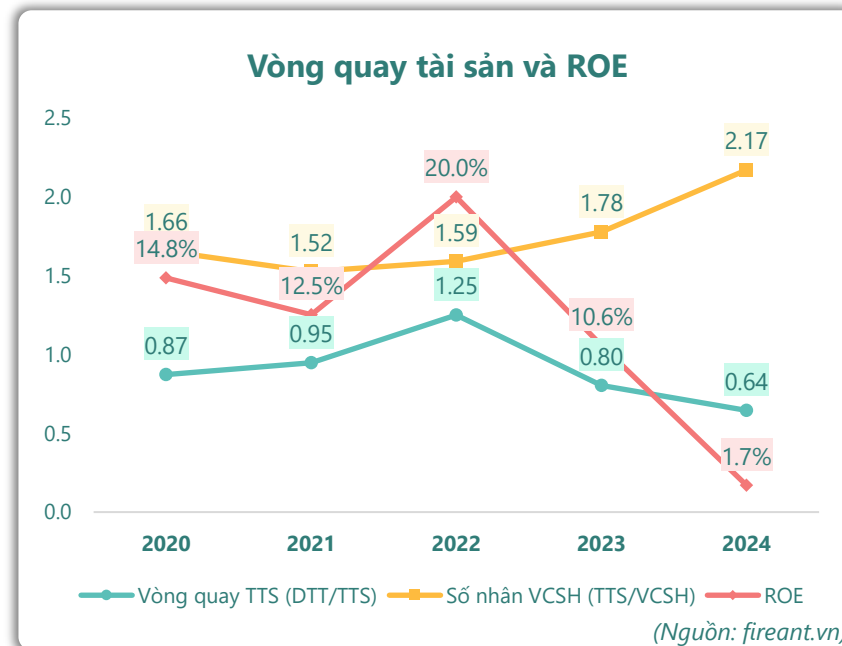
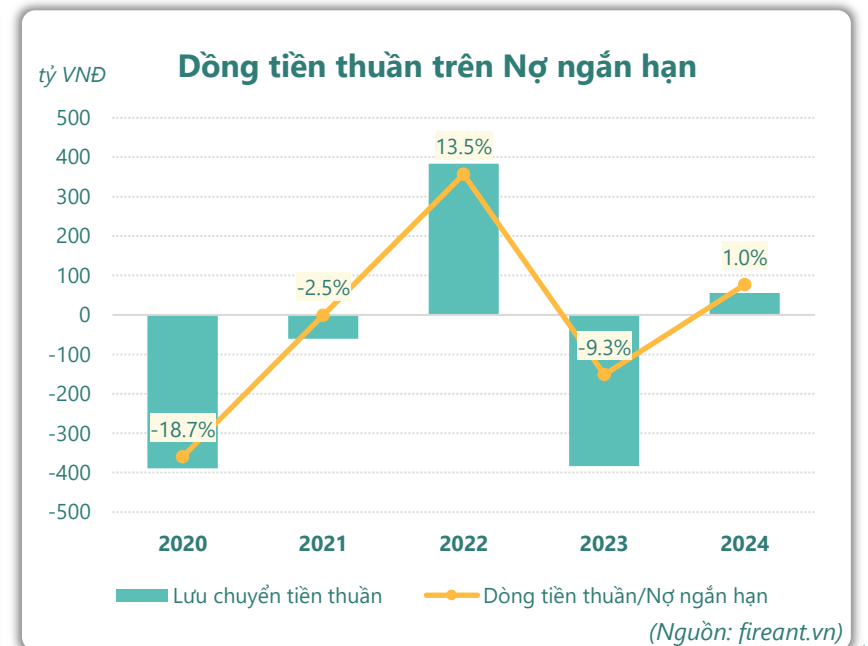
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,792	1,201	49.2%	5,952	6,386	-6.8%
Giá vốn hàng bán	1,719	974	76.5%	5,915	5,876	0.7%
Lợi nhuận gộp	72.9	227	-67.9%	36.6	510	-92.8%
Doanh thu HĐTC	34.6	32.1	7.9%	99.9	107	-6.5%
Chi phí TC	10.3	11.9	-13.5%	38.7	34.5	12.2%
Chi phí lãi vay	10.2	11.5	-11.7%	34.9	33.8	3.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	21.1	-9.58	320%	79.4	69.0	15.1%
LN thuần từ HĐKD	76.1	257	-70.4%	18.4	514	-96.4%
Lợi nhuận khác	0.24	-0.07	444%	72.3	-0.07	97566%
LN trước thuế	76.4	257	-70.3%	90.8	514	-82.3%
Lợi nhuận sau thuế	64.0	240	-73.3%	72.3	473	-84.7%
LNST của CĐ cty mẹ	64.0	240	-73.3%	72.3	473	-84.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	272	331	-226	204	400	150
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-627	-669	947	-796	-550	332
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	144	274	-715	622	117	-428
Tiền đầu kỳ	276	65.3	1.15	6.97	35.7	3.06
Lưu chuyển tiền thuần	-211	-64.2	5.82	28.7	-32.7	53.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	65.3	1.15	6.97	35.7	3.06	57.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	10,015	8,451	18.5%
Tài sản ngắn hạn	5,912	4,770	23.9%
Tiền và tương đương tiền	57.0	1.15	4841%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,273	2,100	8.2%
Phải thu ngắn hạn	2,997	2,326	28.9%
Hàng tồn kho	333	260	27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	252	82.7	205%
Tài sản dài hạn	4,103	3,681	11.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,442	2,125	-32.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2,661	1,556	71.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,836	4,115	41.8%
Nợ ngắn hạn	5,836	4,115	41.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	996	1,200	-17.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,687	1,680	119%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,179	4,336	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	4,179	4,336	-3.6%
Vốn điều lệ	2,879	2,879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

